

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 122/2020/HS-ST
Ngày 08/9/2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Lý.

Ông Hồ Bá Võ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Viết Ngọc – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:

Ông Trần Nhật Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 08/09/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 105/2020/TLST-HS ngày 16/7/2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 176/2020/QĐXXST-HS ngày 24/8/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lương Văn V.** Tên gọi khác: Không. Giới tính: Nam, Sinh ngày: 11/01/1986, tại huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An; Đăng ký HKTT: Bản T Th, xã C, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 5/12; nghề nghiệp: Làm rẫy; Họ và tên cha: Lương Văn Đ, sinh năm 1959; Họ và tên mẹ: Lương Thị X (đã chết); Anh chị em ruột: Có 03 người, bị cáo là con đầu. Vợ: Lương Thị M, sinh năm 1989 (đã ly hôn); Vợ: Lo Thị Hồng T, sinh năm 1989. Con: có 02 người, con lớn sinh năm 2012 (Con với vợ đầu) con nhỏ sinh năm 2018.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 08/3/2020 đến nay tại Trại tạm giam công an Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Phan Thị Sự - Văn phòng Luật sư Dung Sự và Cộng sự, Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An, Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp

lý Nhà nước tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Chị Lương Thị B. Sinh năm 1997.

Trú tại: Bản T Th, xã C, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại:* Bà Đặng Thị Hương Lan, Văn phòng luật sư Hương Lan, Đoàn luật sư tỉnh Nghệ An, Cộng tác viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Nghệ An.

Có mặt tại phiên tòa.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Lương Thị A. Sinh năm 1990.

Trú tại: Bản T Th, xã C, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2013, Nguyễn Thị V trú tại bản Bà, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, đến bản T Th, xã C, huyện Kỳ Sơn để thu mua quả bo về bán thì gặp Lương Văn V. Do quen biết nhau từ trước nên V nói với V "*Nếu có ai muốn đi Trung Quốc thì điện cho chị, giá cả thế nào thì tùy thuộc vào xấu, đẹp*", V đồng ý và nói: "*Nếu tìm được người thì em điện thoại cho*". Nhớ đến chuyện Lương Thị An (Trú cùng bản với V) hay tâm sự với V về việc em gái An là Lương Thị B, sinh năm 1997, lấy chồng và sinh sống tại bản L, xã C, huyện Kỳ Sơn, cuộc sống khổ cực vì bị gia đình chồng hắt hủi đã bỏ về sống tại bản Tạt Thoong, xã Chiêu Lưu, nên V chủ động hẹn B để nói chuyện. Khi gặp B tại nhà An, V hỏi: "*Có muốn đi Trung Quốc lấy chồng không*" thì B nói: "*Nếu đi thì phải trả cho gia đình B 50 triệu đồng*". V điện thoại cho V để thông báo thì V nói: "*Hiện tại không đưa sang được*". V nói lại nội dung V trao đổi với B rồi đi về nhà. Khoảng 4 đến 5 ngày sau, B đến nhà V và hỏi V có đưa B đi Trung Quốc được không, V tiếp tục điện cho V thì V nói: 50 triệu thì không được, nếu B đồng ý 40 triệu thì V đưa đi. Khi B đồng ý đi thì V điện thoại thông báo cho V. V nói V chở B đến nhà V, nhưng do sợ bị phát hiện nên V không dám đưa B đi mà nói V đến đón B. V nói cứ để B ở đó, sẽ có chồng đến đón. Sau đó, Vi Văn H (là chồng của V) đến nhà V, đưa B ra đường quốc lộ 7, thuộc địa phận xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An để chờ xe. Một lúc sau, có người phụ nữ tên là Phương (không xác định được lai lịch, địa chỉ) đi xe khách từ hướng Mường Xén,

huyện Kỳ Sơn đến rồi đón B lên xe đi về thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, còn Vi Văn Hải quay về. Khi đến thành phố Vinh, Phương thuê phòng trọ và cùng B ở lại 2 ngày. Sau đó, Phương giao B cho người phụ nữ khác tên là Hương (không xác định được lai lịch, địa chỉ). Hương bắt xe khách đưa B đi ra thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh, rồi xuất cảnh trái phép sang Trung Quốc, đến nhà người phụ nữ tên là Pôm (người Việt Nam lấy chồng ở Bắc Kinh, Trung Quốc - không xác định được lai lịch) và bán B cho một người đàn ông Trung Quốc (không xác định được lai lịch, nhân thân) lấy làm vợ.

Khoảng 2 tuần sau khi B đi, V điện thoại nói V lên nhà V để lấy tiền. Khi V đến thì V đưa cho V 40.000.000 đồng và nói: 30.000.000 đồng là tiền đưa cho gia đình B, còn 10.000.000 đồng là tiền công của V. Nhận tiền xong, V đến nhà đưa cho Lương Thị An (chị gái của B) 30.000.000 đồng. Một ngày sau, V điện thoại nói với V đưa cho Lương Văn S, sinh năm 1964, trú tại bản Tạt Thoong, xã Chiêu Lưu, huyện Kỳ Sơn 5.000.000 đồng, nên V đã đưa cho Lương Văn S 5.000.000 đồng. Khoảng đầu năm 2014, V đến nhà Lương Thị An vay 13.000.000 đồng để mua bò về nuôi. Vì sợ cầm tiền sẽ tiêu hết, nên An đã cho V mượn 13.000.000 đồng trong số 30.000.000 đồng V đưa cho An.

Năm 2018, Lương Thị B về Việt Nam sinh sống tại bản Tạt Thoong, xã Chiêu Lưu, huyện Kỳ Sơn. Đến năm 2020, B viết đơn tố cáo hành vi của V đến công an huyện Kỳ Sơn.

** Về trách nhiệm dân sự:* Trong quá trình điều tra chị Lương Thị B yêu cầu bị cáo Lương Văn V phải trả lại số tiền 23.000.000 đồng, trong đó: Tiền vay 13.000.000 đồng và 10.000.000 đồng V chiếm giữ (vì thỏa thuận là 40.000.000 đồng, nhưng V mới đưa được 30.000.000 đồng). Tại phiên tòa người bị hại và bị cáo đã thỏa thuận, bị cáo bồi thường thiệt hại cho người bị hại số tiền 33.000.000 đồng, trừ đi số tiền đã bồi thường 4.000.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường cho người bị hại số tiền 29.000.000 đồng.

Cáo trạng số 137/CT-VKS-P2 ngày 14/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo Lương Văn Cương về tội “Mua bán người” theo điểm đ khoản 2, Điều 119 Bộ luật hình sự năm 2019. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố. Đánh giá nội dung vụ án, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại, hoàn cảnh gia đình khó khăn là hộ cận nghèo, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ cho bị cáo, đề

ngợi Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ, khoản 2 Điều 119, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo 3 đến 4 năm tù; về dân sự, đề nghị chấp nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại về số tiền bồi thường thiệt hại; đề nghị tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 5.000.000 đồng bị cáo thu lợi bất chính trong việc bán chỉ B ra nước ngoài.

Bị cáo Lương Văn V khai nhận hành vi phạm tội, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình, cộng đồng.

Bào chữa cho bị cáo, người bào chữa không tranh luận về tội danh bị truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Người bị hại đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại số tiền bồi thường là 33.000.000 đồng đã bồi thường 4.000.000 đồng, còn phải bồi thường 29.000.000 đồng, ngoài số tiền này không yêu cầu thêm khoản nào khác; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo, bị cáo, người bị hại, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đối với việc vắng mặt của người có quyền và nghĩa vụ liên quan là chị Lương Thị A, xét thấy hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của chị An; bị cáo, người bào chữa cho bị cáo, người bị hại, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho người bị hại, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Căn cứ tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo và kết quả tranh tụng tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng tháng 10/2013, Lương Văn V được Nguyễn Thị V, trú tại bản Bà, xã Hữu Kiệm, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An hứa hẹn: Nếu tìm được phụ nữ giới

thiệu cho V để đưa sang Trung Quốc lấy chồng, thì sẽ được V trả tiền công. Đến tháng 11/2013, V đã tìm gặp và rủ rê chị Lương Thị B, sinh năm 1997, trú tại bản Tạt Thoong, xã Chiêu Lưu, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Nghệ An, rồi giao cho Nguyễn Thị V để V cùng với những người khác đưa B vượt biên trái phép sang Trung Quốc, bán cho một người đàn ông ở Bắc Kinh, Trung Quốc lấy làm vợ. V được V trả tiền công là 5.000.000 (năm triệu) đồng. Hành vi tìm phụ nữ đưa ra nước ngoài để bán lấy tiền công của bị cáo Lương Văn V là hành vi mua bán người. Thời điểm bị cáo thực hiện hành vi vào khoảng tháng 11/2013, vì vậy Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An truy tố bị cáo về tội “Mua bán người”, theo quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 119 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét hành vi của bị cáo, tính chất vụ án: Hành vi của bị cáo Lương Văn V là nguy hiểm cho xã hội, phạm tội thuộc trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, chỉ vì hám lợi mà bị cáo đã bất chấp truyền thống đạo lý, tham gia vào việc bán chị Lương Thị B làm vợ của người Trung Quốc, đã xâm phạm đến danh dự, nhân phẩm của con người; gây bắt B, phần nộ, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong nhân dân. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vì vụ lợi nên vẫn thực hiện. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt nghiêm minh đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa nhằm trừng trị và cải tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời răn đe và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Không.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, xét xử bị cáo đã khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nên nhận thức về pháp luật còn nhiều hạn chế; gia đình thuộc diện hộ cận nghèo; bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Vì vậy, cần xem xét, áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[5] Trong vụ án này, theo lời khai của Lương Văn V, Lương Thị B còn có các đối tượng Nguyễn Thị V, Vi Văn H, Lương Thị H, Cơ quan điều tra đã tiến

hành xác minh nhưng các đối tượng không có mặt tại địa phương; người phụ nữ tên Phương đã đưa Lương Thị B từ Kỳ Sơn đến thành phố Vinh không xác minh được nhân thân, lai lịch. Đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh để xử lý.

Đối với Lương Thị A (là chị gái của bị hại): Là người nhận tiền của Lương Văn V trong việc bán Lương Thị B. Quá trình điều tra xác định: Chị A không bàn bạc với V về việc đưa B đi ra nước ngoài để bán; không có động cơ, mục đích và hưởng lợi gì trong vụ án này, hơn nữa do nhận thức pháp luật hạn chế nên A không biết được việc đưa B sang Trung Quốc lấy chồng là hành vi phạm tội. Cơ quan tiến hành tố tụng không điều tra, xử lý hình sự đối với A về tội không tố giác tội phạm là có căn cứ.

Đối với Lương Văn S, người được V đưa cho 5.000.000 đồng theo yêu cầu của Nguyễn Thị V. Tuy nhiên, S không biết đó là tiền do V và V phạm tội mà có. S chỉ nghĩ đó là tiền vợ chồng Hải, V trả cho S trong quan hệ làm ăn, do đó không có căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự.

[6] Về dân sự:

Tại phiên tòa người bị hại và bị cáo đã thỏa thuận, bị cáo bồi thường thiệt hại cho người bị hại số tiền 33.000.000 đồng, trừ đi số tiền đã bồi thường 4.000.000 đồng, bị cáo còn phải bồi thường cho bị hại số tiền 29.000.000 đồng. Xét thấy, đây là sự thỏa thuận tự nguyện của bị cáo và người bị hại, phù hợp với quy định pháp luật. Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại về phần bồi thường thiệt hại.

[7] Xử lý vật chứng: Số tiền 5.000.000 đồng, bị cáo Lương Văn V được Nguyễn Thị V trả tiền công giới thiệu bán chị B sang Trung Quốc là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính, cần tịch thu (truy thu) sung vào ngân sách Nhà nước.

[8] Về án phí: Buộc bị cáo Lương Văn V phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Về án phí dân sự sơ thẩm: Xét thấy, gia đình bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn vì vậy, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo Lương Văn V phạm tội: “Mua bán người”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 119, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999: Xử phạt bị cáo Lương Văn V 04 (bốn) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 08/3/2020.

[2] Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu (truy thu) sung ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Lương Văn V số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc bán chỉ B ra nước ngoài.

[3] Về dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người bị hại, buộc bị cáo Lương Văn V phải bồi thường cho người bị hại chị Lương Thị B số tiền 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng), đã bồi thường số tiền 4.000.000 (Bốn triệu đồng), còn phải bồi thường 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng).

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 12, Điều 21, 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Lương Văn V phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

[5] Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[6] Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo Lương Văn V, người bị hại Lương Thị B được quyền kháng cáo Bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; Người liên quan là chị Lương Thị An vắng mặt có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN**
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Bá Võ

Nguyễn Văn Lý

Trần Quốc Cường

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Nghệ An
- Cục T.H.A dân sự tỉnh Nghệ An;
- Bị cáo; bị hại; người liên quan;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Người bào chữa;
- Người BVQL cho bị hại;
- Sở Tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Lưu HSVA. THS.

Trần Quốc Cường